

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Bích Lan;
- Bà Đinh Thị Thu Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Mỹ L, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Xóm C, thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh P, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L có mặt, anh P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2023, đơn *sửa đổi bổ sung* đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2023, bản tự khai ngày 19/04/2024, bản tự khai ngày 13/05/2024 nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh Lê Thanh P có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống

với nhau, tính tình không hợp nhau nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh [Lê Thanh P.](#)

Về con chung vợ chồng có con chung [Lê Ngọc Bảo T](#) sinh ngày 13/5/2019 và [Lê Ngọc Bảo T1](#) sinh ngày 11/5/2023. Tại bản tự khai ngày 19/04/2024 chị [L](#) trình bày trước tháng 10 năm 2023 thì cả hai con đều ở với chị nhưng sau đó anh [P](#) dẫn cháu [T](#) đi và không cho chị gặp con, hiện cháu [T1](#) đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị [L](#) yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu anh [Lê Thanh P](#) cấp dưỡng cho cháu [T](#) và cháu [T1](#) mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên Tòa, chị [L](#) không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị [L](#) trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn anh [Lê Thanh P](#) nhưng anh [P](#) không có ý kiến phản hồi.

Tại biên bản xác minh ngày 29/02/2024, Hội liên hiệp phụ nữ [xã N, huyện T](#), biên bản xác minh ngày 26/02/2024 của [công an xã N](#), biên bản xác minh ngày 19/06/2024, đối với thôn trưởng thôn [V, xã N huyện T](#): Nguyên nhân mâu thuẫn giữa nguyên đơn, bị đơn Hội phụ nữ [xã N](#) không rõ. Về con chung đề nghị giải quyết theo sự thỏa thuận của vợ chồng chị [L](#), trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nhưng đảm bảo sự phát triển toàn diện cho các cháu. Hiện tại, anh [Lê Thanh P](#) vẫn còn đăng ký thường trú tại địa chỉ [thôn V, xã N huyện T tỉnh Quảng Ngãi](#).

Tại biên bản xác minh ngày 03/05/2024 xác minh ông [Trần Đức V](#) là anh [H](#) của anh [Lê Thanh p](#) và tại biên bản xác minh ngày 16/05/2024 xác minh đối với cô [Lương Thị T2](#) là chủ cơ sở lớp mẫu giáo tư thục ngôi nhà hạnh phúc: Sau khi xảy ra sự việc vợ chồng mâu thuẫn, anh [Lê Thanh P](#) và cháu [Lê Ngọc Bảo T](#) có một thời gian sống tại nhà anh [Trần Đức V](#) ([xã N, huyện T](#), cách nhà anh [P](#) [khoảng](#) 2km) Anh [P](#) giao con cho cô [Trần Thị C](#) chăm sóc cháu và đưa đón cháu [Lê Ngọc Bảo T](#) đi học tại cơ sở lớp mẫu giáo tư thục ngôi nhà hạnh phúc.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành nhưng đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ các quy định tại điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Và đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị [Dương Thị Mỹ L](#), cho chị [L](#) được ly hôn với anh [P](#); giao 02 con chung là cháu [Lê Ngọc Bảo T](#) và cháu [Lê Ngọc Bảo T1](#) cho chị [Dương Thị Mỹ L](#) chăm sóc nuôi dưỡng, anh [Lê Thanh P](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại [huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có mặt, bị đơn anh [P](#) được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi và không có mặt tại các buổi làm việc, xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị [Dương Thị Mỹ L](#) và anh [Lê Thanh P](#) tự nguyện tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại [UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi](#) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 02 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Trong quá trình chung sống, chị [L](#) và anh [P](#) bất đồng quan điểm, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc và không cùng nhau chia sẻ công việc, xây dựng **gia đình**, tình nghĩa vợ chồng trên thực tế không còn. Mâu thuẫn giữa chị [L](#) và anh [P](#) đã có sự can thiệp giải quyết của [công an huyện T](#). Tòa án mở phiên hòa giải để anh chị hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng anh [P](#) không có mặt. Như vậy, đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị [L](#) và anh [P](#) là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị [L](#) và anh [P](#) không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị [L](#), chị [L](#) được ly hôn với anh [P](#).

[2.3] Vợ chồng [L](#) và anh [P](#) có 02 con chung [Lê Ngọc Bảo T](#) sinh ngày 13/5/2019 và [Lê Ngọc Bảo T1](#) sinh ngày 11/5/2023. Chị [L](#) yêu cầu Tòa án giao hai con cho chị trực tiếp được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục.

[2.3.1] Xét thấy: Tại thời điểm xét xử, cháu [T](#) chưa được sáu tuổi, lứa tuổi cần được sự chăm sóc thương yêu đặc **biệt** từ người mẹ. Thế nhưng, trong quá trình giải quyết vụ án, anh [Lê Thanh P](#) đưa cháu [Lê Ngọc Bảo T](#) đi cùng, anh [P](#) không ở

một nơi ổn định, gửi cháu **T** cho người khác chăm sóc, đưa đón cháu. Theo tài liệu Tòa án thu thập thể hiện: *Cháu **T** rất buồn, hay khóc và cháu nói nhớ mẹ. Nguyên nhân là cháu **T** thiếu tình thương và cần có sự **chăm** sóc của người mẹ*” (Bút lục 31). So sánh điều kiện hiện tại anh **P** đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **T** không tốt hơn điều kiện của chị **L**. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX buộc anh **P** phải giao cháu **Lê Ngọc Bảo T** cho chị **Dương Thị Mỹ L** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3.2] Đối với cháu **Lê Ngọc Bảo T1**, sinh ngày 11/5/2023. Xét thấy hiện tại cháu **T1** đang sống cùng với **chị L**, được **chị L** chăm sóc tốt. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ vào điều kiện hiện tại của **chị L**, HĐXX giao cháu **T1** cho chị **Dương Thị Mỹ L** được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.4] Hiện tại, **chị L** có thu nhập, ở cùng với cha mẹ ruột. **Chị** trình bày đủ điều kiện kinh tế nuôi hai con. **Chị** không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm thời anh **Lê Thanh P** không cấp dưỡng nuôi con. Anh **Lê Thanh P** được quyền đến thăm và chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh thực hiện quyền này.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: **Chị L** trình bày không có tài sản chung, anh **P** không có ý kiến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn **chị Dương Thị Mỹ L** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 27, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 **Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự**; áp dụng Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Dương Thị Mỹ L**. **Chị Dương Thị Mỹ L** được ly hôn với anh **Lê Thanh P**.

2. Giao cháu Lê Ngọc Bảo T sinh ngày 13/5/2019 và cháu Lê Ngọc Bảo T1 sinh ngày 11/5/2023 cho chị Dương Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại cháu T do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Tạm thời anh Lê Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi có lý do chính đáng, chị L, anh P có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Mỹ L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001882 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Chị L đã thực hiện xong.

4. Chị L, anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Thanh Hòa

